

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Tài chính Mỹ ban hành Báo cáo về “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ”, trong đó xác định Việt Nam (cùng với Thụy Sĩ) thao túng tiền tệ.

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm trong ngày đáo hạn sau thông tin Việt Nam bị Mỹ gắn mác thao túng tiền tệ.

## [Thông tin doanh nghiệp]

GVR, POW

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể mở lại một phần vị thế ngắn hạn với tỷ trọng thấp khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần.

17/12/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,051.77	-1.43
VN30	1,016.95	-1.24
HĐTL VN30F1M	1,016.30	-1.14
HNXIndex	172.00	+0.22
HNX30	285.61	+0.28
UPCoM	70.29	+0.06
USD/VND	23,128	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+5
Dầu (WTI, \$)	48.38	+1.17
Vàng (LME, \$)	1,880.65	+0.85

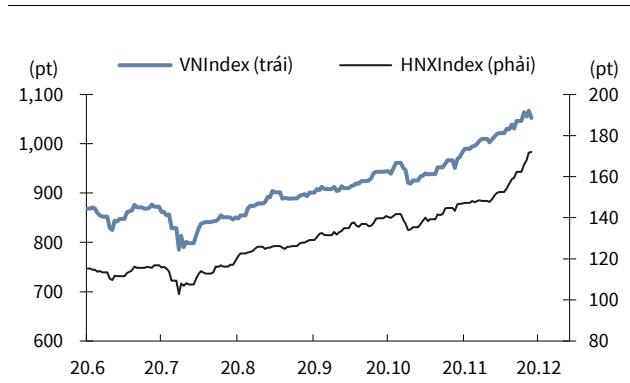


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,051.77 (-1.43%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>667.9 (+17.4%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>628.3 (+22.5%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>172.00 (+0.22%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>112.3 (+39.3%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>51.3 (+30.7%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>70.29 (+0.06%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>48.7 (+29.2%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>25.8 (+10.4%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>-33.6</b>

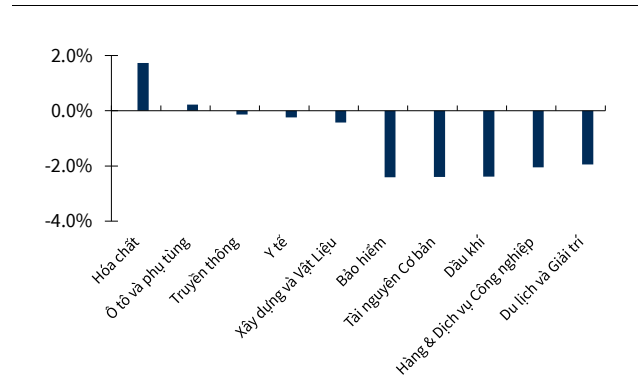
TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Tài chính Mỹ ban hành Báo cáo về “Chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn của Mỹ”, trong đó xác định Việt Nam (cùng với Thụy Sĩ) thao túng tiền tệ. Cổ phiếu nhóm doanh nghiệp xuất khẩu phản ứng tiêu cực trước thông tin trên như ngành gỗ ở PTB (-2%), VIF (-1.1%), ngành thủy sản ở VHC (-4.4%), MPC (-4.2%), trước các lo ngại bị Mỹ áp thuế lên hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Ấn Độ chấm dứt điều tra CBPG thép không gỉ cán phẳng của Việt Nam với kết quả hàng nhập khẩu từ Việt Nam không chịu thuế CBPG giúp cổ phiếu nhóm thép giao dịch tích cực hơn thị trường chung như NKG (+1.7%), HSG (+0.9%). Theo Phó Chủ tịch VITAS, mục tiêu đến năm 2025 xuất khẩu ngành dệt may sẽ đạt 55 tỷ USD, giá trị thặng dư thương mại đến năm 2025 sẽ phấn đấu đạt 33 tỷ USD, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 11.6% giúp cổ phiếu nhóm dệt may tăng giá ở M10 (+4.2%), GMC (+3.3%). Khối ngoại bán ròng chủ yếu ở HPG (-2.96%), CTG (-2.29%), VCB (-3.9%).

**VNIndex & HNXIndex**



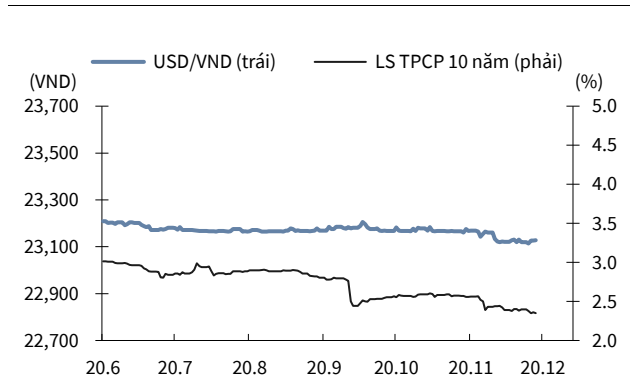
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



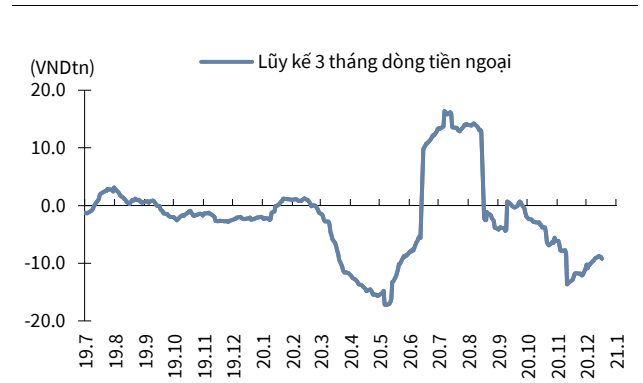
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

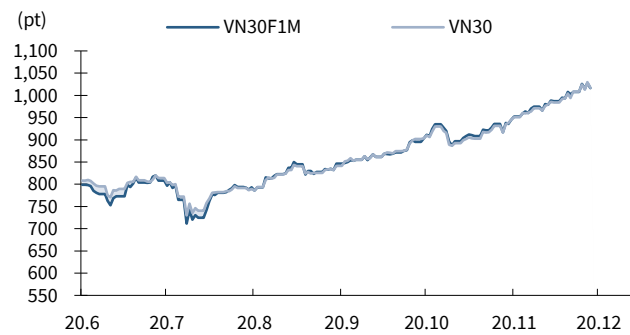
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,016.95 (-1.24%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,016.3 (-1.14%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,025.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,027.4</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,011.6</b>

HĐTL giảm điểm trong ngày đáo hạn sau thông tin Việt Nam bị Mỹ gắn mác thao túng tiền tệ. Chênh lệch F2012 và VN30 mở cửa ở -5.72 trước khi giao động mạnh trong biên độ -3.8 và 2.0, và đóng cửa ở mức -0.65. NĐTNN bán ròng mạnh F2012 trong khi mua ròng ở F2101. Thanh khoản thị trường tiếp tục được cải thiện

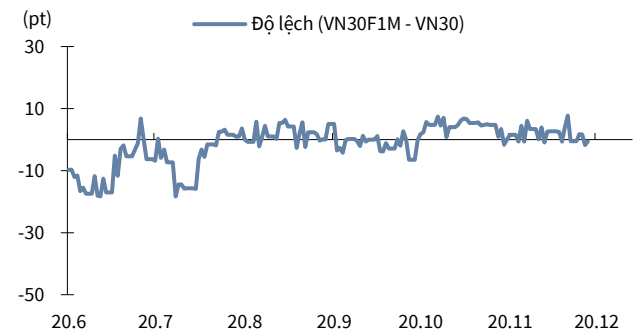
**KLGD (HĐ)**      **175,301 (+21.2%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



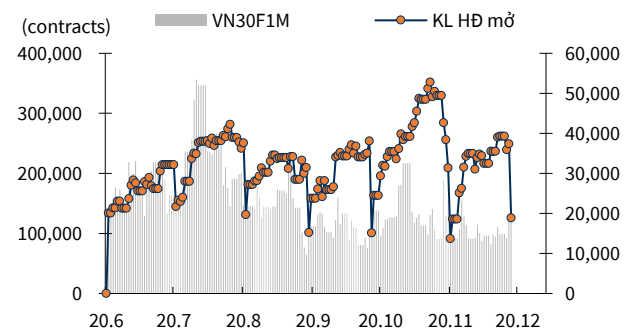
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



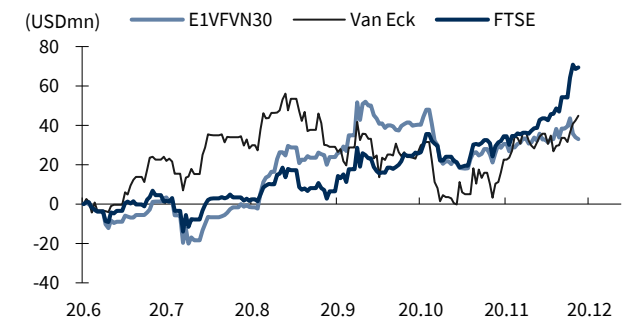
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

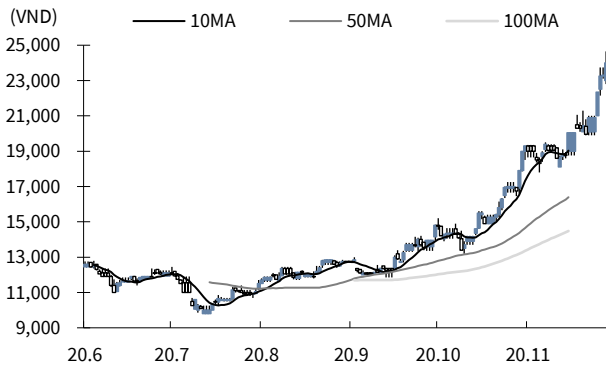
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)

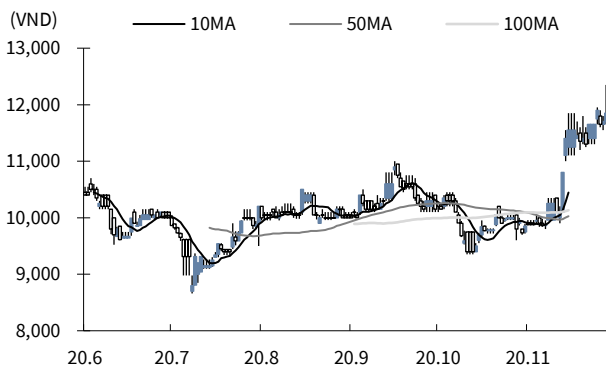


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 3% lên 24,000 VND/cp.

- GVR công bố lợi nhuận trước thuế 2020 ước đạt 4,955 tỷ đồng đạt 100% kế hoạch năm, doanh thu và thu nhập khác 23,032 tỷ đồng, đạt 93.4% kế hoạch năm. Trong đó, đối với chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ, lợi nhuận trước thuế đạt 2,962 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch và doanh thu đạt 4,071 tỷ đồng, vượt gần 14% so với kế hoạch. Về sản lượng khai thác, năm 2020 VRG dự kiến khai thác hơn 365,380 tấn mù cao su.

## PV Power (POW)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

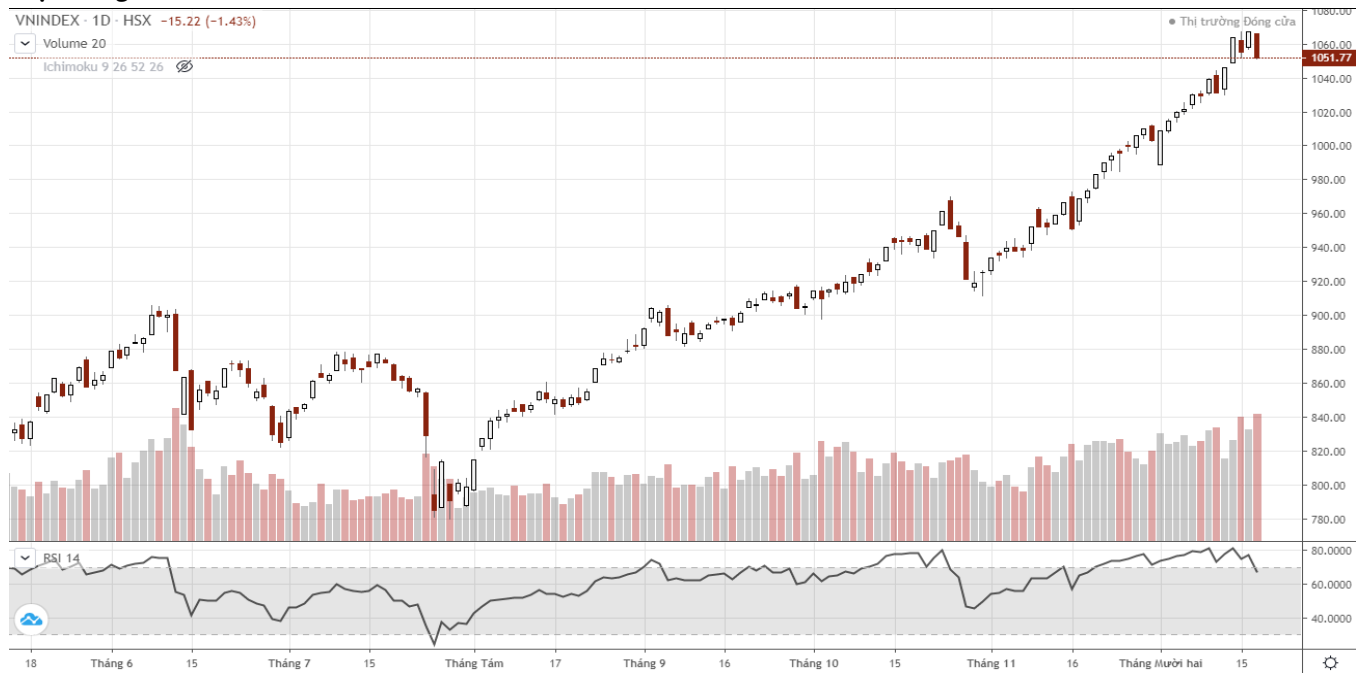
- POW tăng 1.3% lên 11,850 VND/cp.

- Theo ban lãnh đạo của POW, lợi nhuận sau thuế 2020 ước đạt 2,335 tỷ đồng (-18% yoy), doanh thu 30,472 tỷ đồng (-15% yoy) và sản lượng điện toàn doanh nghiệp 19,29 tỷ kWh (-14%). Về hoạt động đầu tư, PV Power đã hoàn thành phê duyệt dự án đầu tư và lựa chọn nhà thầu dự án Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4; triển khai công tác thu xếp mặt bằng, thu xếp vốn và chuẩn bị lựa chọn nhà thầu EPC.

# Quan điểm kỹ thuật

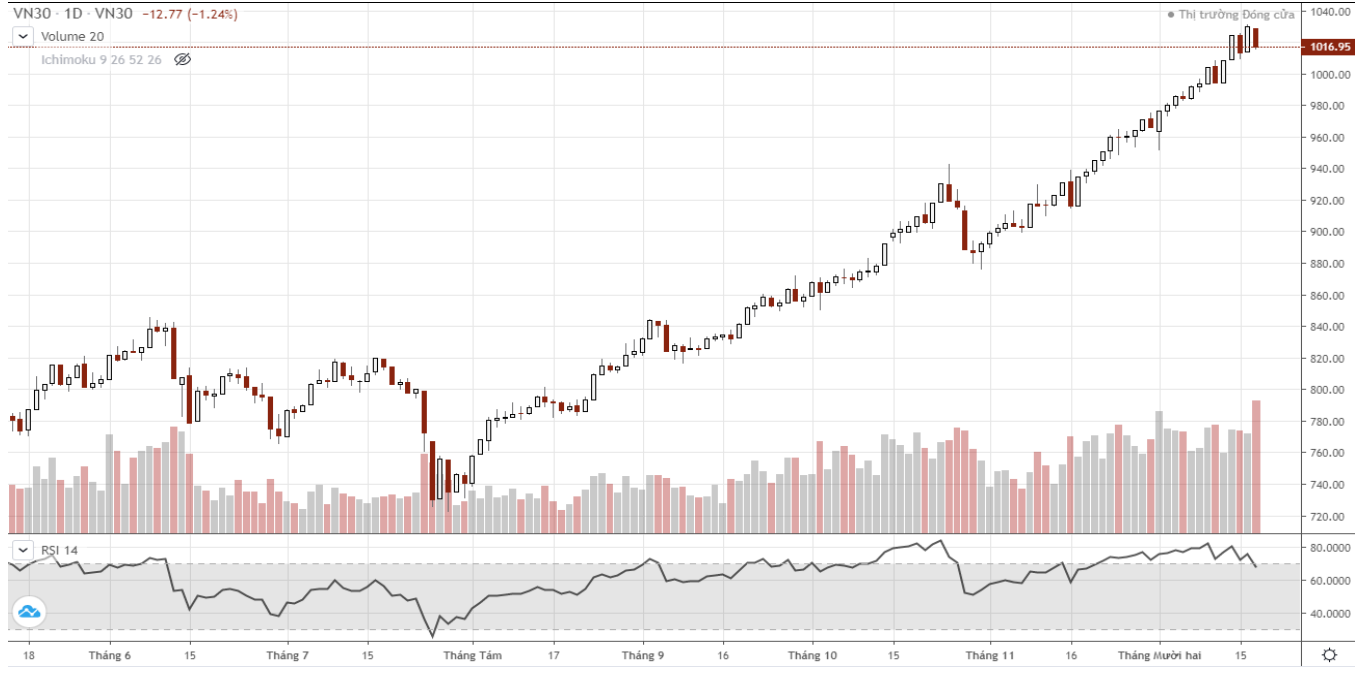
## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

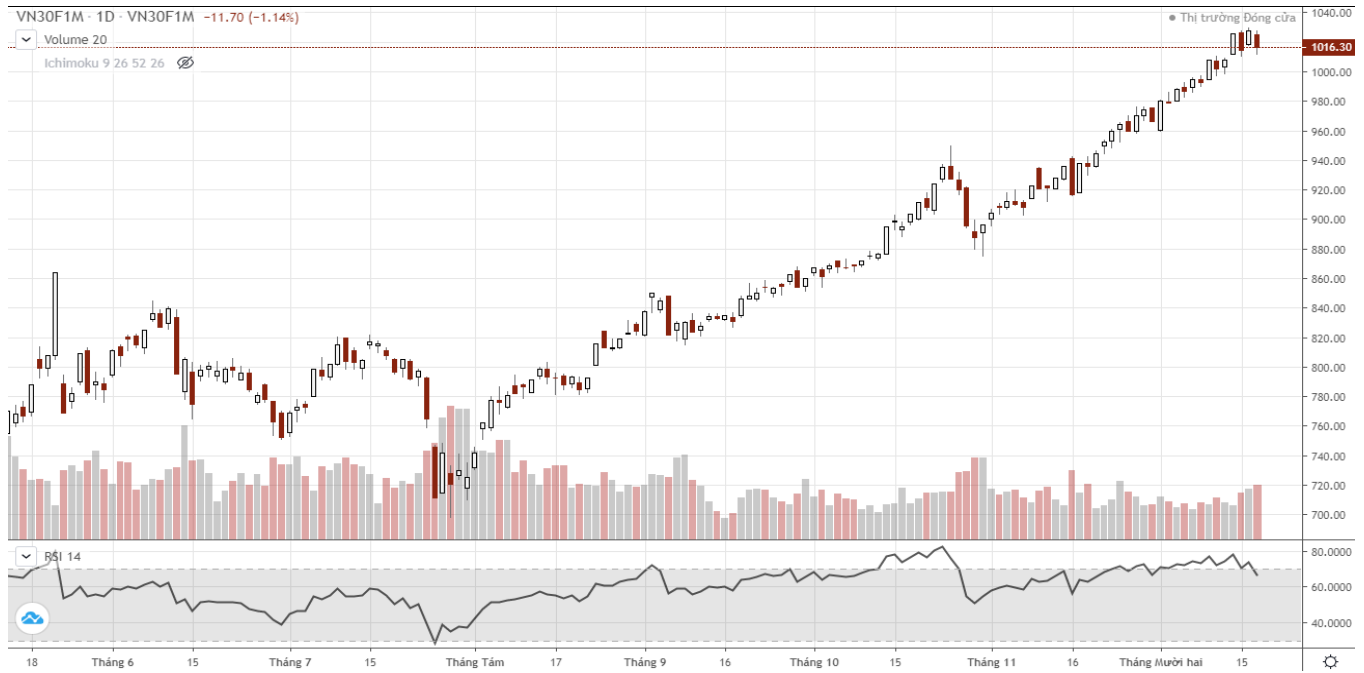


- VNIndex diễn biến giằng co nhưng nằm trong xu hướng điều chỉnh với đà giảm mở rộng về cuối phiên.
- Diễn biến không mấy tích cực trong phiên tiếp tục báo hiệu rủi ro bước vào nhịp điều chỉnh sau quá trình tăng kéo dài. Trong kịch bản này, chỉ số sẽ nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ gần quanh 103x và xa hơn là 100x.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở lại một phần vị thế ngắn hạn với tỷ trọng thấp khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ gần.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1035 - 1039

Kháng cự gần: 1027 - 1029

Hỗ trợ gần: 1009 - 1011

Hỗ trợ xa: 1003 - 1006

- F1 chủ yếu diễn biến điều chỉnh trong phiên với đà giảm mở rộng về cuối phiên trong ngày đảo hạm.
- Với lực cản tại vùng kháng cự quanh 1030 (+5) cùng với diễn biến không mấy tích cực trong phiên, chỉ số có thể sẽ bước vào nhịp điều chỉnh ngắn hạn với vùng hỗ trợ gần quanh 100x và xa hơn là 970.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT ở các vùng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế SHORT đã mở và chỉ STOP khi chỉ số vượt qua vùng cản gần.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

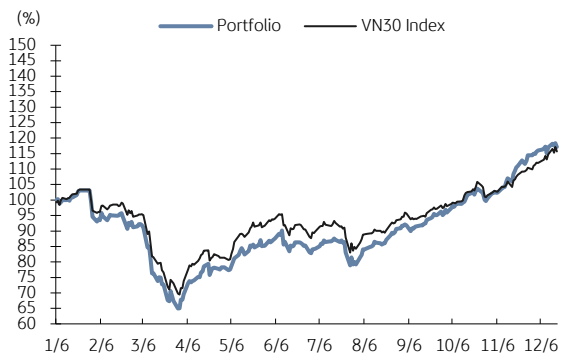
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.24%	-1.02%
Tăng lũy kế (YTD)	15.69%	17.18%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 17/12/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,500	-1.7%	-2.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	29,000	-0.7%	18.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	75,800	-2.3%	-1.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	22,100	-0.7%	28.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	46,300	-2.1%	36.2%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	56,500	-1.1%	68.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,100	-3.7%	39.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	84,100	-2.0%	14.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	37,650	-3.0%	92.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	17,650	7.0%	28.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-1.1%	100.0%	72.1
BID	-2.1%	17.4%	48.0
MSN	0.6%	33.7%	19.0
HDC	-1.8%	3.6%	15.1
HDB	1.6%	16.8%	12.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-3.0%	33.6%	-184.3
CTG	-2.3%	29.0%	-68.5
VCB	-3.9%	23.7%	-60.0
MBB	-0.7%	23.0%	-58.1
SSI	0.0%	48.6%	-52.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	-2.7%	3.3%	8.2
SHS	-1.8%	7.6%	1.8
NVB	0.0%	4.6%	1.0
INN	3.1%	9.6%	0.9
SZB	-1.7%	3.8%	0.8

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	10.7%	-4.6
APS	0.0%	28.8%	-1.5
SHB	0.0%	6.5%	-1.0
NST	4.4%	2.5%	-0.4
HMH	-0.9%	18.3%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	13.2%	GVR, PHR
Dịch vụ tài chính	5.3%	SSI, VND
Du lịch và Giải trí	4.5%	VJC, HVN
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.1%	PNJ, TCM
Ngân hàng	2.9%	TCB, BID

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-0.3%	PME, DHG
Truyền thông	0.2%	LHG, PNC
Công nghệ thông tin	0.2%	CMG, ST8
Thực phẩm và đồ uống	0.2%	VNM, VHC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%	GAS, TMP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	18.9%	SSI, HCM
Hóa chất	16.2%	GVR, DGC
Ngân hàng	10.7%	BID, VCB
Tài nguyên Cơ bản	8.3%	HPG, POM
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.2%	TCM, PNJ

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	0.4%	LHG, PNC
Bảo hiểm	0.7%	BMI, BIC
Công nghệ thông tin	2.4%	SAM, CMG
Y tế	2.7%	TRA, DBD
Ô tô và phụ tùng	3.0%	SVC, HTL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	104,700	354,140 (15,312)	92,057 (4.0)	22.8	54.6	42.5	21.9	7.0	8.5	3.7	3.4	-2.1	-0.2	-1.2	-9.0
	VHM	VINHOMES JSC	84,700	278,622 (12,047)	239,164 (10.3)	27.0	10.5	8.9	34.5	36.8	30.9	3.3	2.5	-1.7	1.3	8.2	-0.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	29,750	67,601 (2,923)	186,184 (8.0)	18.1	29.1	21.6	-11.1	8.2	10.8	2.4	2.2	-2.5	5.5	9.4	-12.5
	NVL	NO VA LAND INVES	66,000	65,095 (2,815)	115,660 (5.0)	32.9	17.0	16.2	3.4	14.9	13.5	2.5	2.1	-1.6	3.3	6.8	10.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	27,500	15,367 (664)	59,094 (2.6)	9.9	14.0	12.4	15.0	14.3	15.1	1.8	1.7	-2.5	-1.8	12.7	7.3
	DXG	DAT XANH GROUP	14,650	7,593 (328)	92,839 (4.0)	12.4	18.4	7.3	-55.2	3.1	14.0	1.0	0.9	-2.0	-0.3	4.6	1.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	96,000	356,052 (15,395)	102,403 (4.4)	6.3	22.0	18.5	10.7	19.4	19.0	3.7	3.1	-3.9	-1.2	9.6	6.4
	BID	BANK FOR INVESTM	46,400	186,622 (8,069)	117,525 (5.1)	12.6	33.4	20.5	-3.8	9.4	11.7	2.3	2.1	-2.1	5.6	15.1	0.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	28,350	99,229 (4,290)	461,406 (19.9)	0.0	9.1	7.8	6.8	16.3	16.2	1.4	1.2	1.4	12.1	21.4	20.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	34,100	126,968 (5,490)	328,337 (14.2)	1.0	13.5	10.1	31.2	12.6	14.8	1.5	1.3	-2.3	0.3	4.9	63.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	29,600	72,157 (3,120)	202,698 (8.8)	0.0	8.1	7.0	8.9	18.6	17.9	1.4	1.2	1.0	5.7	18.4	48.0
	MBB	MILITARY COMMERC	22,100	61,286 (2,650)	284,076 (12.3)	0.0	7.8	6.8	10.2	18.5	17.7	1.3	1.1	-0.7	5.0	13.0	22.2
	HDB	HDBANK	22,750	36,258 (1,568)	118,438 (5.1)	4.7	8.0	6.8	24.7	19.2	19.0	1.4	1.2	1.6	2.2	12.4	36.3
	STB	SACOMBANK	16,600	29,941 (1,295)	291,247 (12.6)	14.4	17.1	13.4	11.5	7.2	8.5	1.1	1.0	0.0	6.8	19.9	65.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,500	24,244 (1,048)	58,000 (2.5)	0.0	7.2	6.5	35.0	22.3	20.1	1.5	1.2	3.5	5.9	17.7	36.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,050	20,962 (906)	4,892 (0.2)	0.0	24.6	28.1	13.6	5.3	4.4	1.3	1.2	-0.6	-0.9	-1.4	-4.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	57,000	42,312 (1,829)	57,607 (2.5)	20.6	34.0	27.1	3.5	6.6	8.2	2.2	2.0	-2.7	0.5	4.2	-16.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	29,350	2,681 (116)	17,591 (0.8)	14.6	16.0	14.1	9.7	8.5	9.4	1.2	1.1	-3.1	-3.3	2.1	18.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	25,050	15,053 (651)	194,826 (8.4)	51.5	13.0	12.2	-4.1	10.3	11.7	-	-	0.0	9.9	37.3	61.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	43,900	7,270 (314)	47,429 (2.0)	74.1	-	-	-	11.1	13.0	-	-	-2.1	2.1	2.3	48.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	27,550	8,404 (363)	118,467 (5.1)	51.8	-	-	-	11.0	17.1	-	-	-2.1	2.6	19.8	29.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	22,600	4,713 (204)	49,811 (2.2)	16.0	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-1.1	15.3	31.0	56.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	110,400	230,697 (9,975)	270,527 (11.7)	41.9	22.2	20.3	7.1	38.3	39.1	7.8	7.1	-1.1	-1.4	2.6	13.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	198,000	126,974 (5,490)	25,473 (1.1)	36.9	29.4	24.4	3.5	22.4	24.9	6.2	5.5	-0.6	-0.1	8.7	-13.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	84,000	98,673 (4,266)	77,172 (3.3)	15.3	93.7	38.6	-53.0	2.8	8.2	3.1	3.0	0.6	0.1	-1.2	48.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	14,600	16,185 (700)	63,996 (2.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-3.9	1.4	32.7	5.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	124,600	65,270 (2,822)	72,394 (3.1)	11.2	-	29.9	-	0.1	19.7	4.5	4.0	-2.7	4.0	10.3	-14.8
	GMD	GEMADEPT CORP	31,700	9,413 (407)	127,233 (5.5)	8.4	23.3	20.6	-53.2	6.8	7.5	1.6	1.5	-3.8	5.1	15.5	36.1
	CII	HO CHI MINH CITY	19,500	4,657 (201)	44,214 (1.9)	41.2	10.3	9.6	135.9	9.1	8.9	0.9	0.8	0.5	6.0	15.7	-13.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	11,010 (0.5)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	0.9	-0.9	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,700	9,728 (421)	169,441 (7.3)	36.1	28.4	11.9	-17.7	11.3	12.4	-	-	-2.4	1.2	4.0	7.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	70,400	5,371 (232)	76,929 (3.3)	3.0	8.8	10.0	-33.8	7.4	6.5	0.6	0.7	-2.8	-0.1	12.1	37.2
	REE	REE	46,300	14,355 (621)	23,803 (1.0)	0.0	9.4	8.5	-9.0	13.6	13.8	1.2	1.1	-2.1	-2.1	4.9	27.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	84,100	160,963 (6,960)	117,360 (5.1)	45.9	19.9	16.4	-14.4	17.1	19.1	3.3	3.2	-2.0	-0.4	11.4	-10.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,450	6,751 (292)	10,506 (0.5)	30.1	10.4	9.9	-7.3	14.3	16.5	1.6	1.6	-0.8	-0.6	0.0	8.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,150	7,743 (335)	6,736 (0.3)	33.7	9.4	8.9	-14.3	14.2	14.7	1.3	1.2	-0.2	1.3	5.7	-10.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	37,650	124,745 (5,394)	864,897 (37.4)	15.4	10.9	8.9	15.4	20.8	20.7	2.2	1.8	-3.0	0.1	12.9	92.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,800	6,966 (301)	53,238 (2.3)	36.0	10.0	10.7	8.0	9.6	8.7	0.8	0.8	-1.1	0.3	1.1	37.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,400	6,565 (284)	41,298 (1.8)	46.2	11.5	15.7	-1.5	10.1	7.7	1.0	1.1	-1.2	-0.8	-0.8	90.8
	HSG	HOA SEN GROUP	21,150	9,397 (406)	239,524 (10.4)	36.6	8.7	7.4	71.2	15.4	15.5	1.2	1.1	1.0	6.3	10.7	184.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,200	2,927 (127)	38,407 (1.7)	97.4	6.3	7.3	47.6	13.3	10.5	0.7	0.6	-1.1	2.7	15.3	9.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	52,300	63,744 (2,756)	47,274 (2.0)	4.2	56.1	17.9	-42.9	5.0	15.1	2.6	2.4	-2.6	1.4	8.1	-6.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,200	5,980 (259)	124,073 (5.4)	39.2	45.1	44.5	-6.2	0.9	0.9	0.4	0.4	0.0	8.0	15.4	-5.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,300	4,305 (186)	43,122 (1.9)	32.9	8.5	7.9	-9.4	10.8	10.7	0.9	0.8	-0.7	1.9	3.7	-9.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	113,500	51,371 (2,221)	127,631 (5.5)	0.0	13.6	10.2	11.7	27.1	28.7	3.4	2.7	-1.7	-0.3	1.3	-0.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	75,800	17,064 (738)	73,512 (3.2)	0.0	17.7	14.4	3.4	21.6	23.8	3.4	3.0	-2.3	3.8	2.4	-11.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	45,600	1,426 (062)	1,533 (0.1)	70.4	19.2	14.0	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.2	-0.2	0.4	2.2	23.2
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,500	2,251 (097)	49,364 (2.1)	21.8	19.2	13.4	-48.9	6.7	12.2	1.5	1.3	1.2	14.0	26.9	35.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	62,900	8,523 (369)	71,113 (3.1)	35.4	8.6	7.9	37.6	36.4	31.8	2.8	2.4	-1.6	4.0	0.6	64.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	104,300	13,637 (590)	665 (0.0)	45.2	18.2	17.9	13.6	21.4	20.3	3.6	3.3	-0.7	-0.9	1.8	14.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	76,300	5,723 (247)	1,162 (0.1)	23.9	16.2	-	7.3	16.4	-	2.7	-	0.3	-4.1	3.7	40.5
IT	FPT	FPT CORP	56,500	44,291 (1,915)	131,123 (5.7)	0.0	12.9	11.3	19.6	22.7	23.5	2.6	2.4	-1.1	0.0	4.6	11.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**  
binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**  
anhtd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh**  
trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**  
tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**  
anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**  
hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**  
tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**  
hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**  
harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**  
dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh**  
danhnt@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.